TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:183/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tiến Bình
2. Bà Lê Phi Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn'' theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 836/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Lê Huỳnh T, sinh ngày 14/10/1991

CCCD số: 058191001593 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/4/2021.

Địa chỉ: 40/34 đường N, khu phố 4, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.Bị đơn: Ông Lê Quang Võ Đ, sinh ngày 25/7/1992

CCCD số: 058092007320 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 05/7/2021.

Địa chỉ: 40/34 đường N, khu phố 4, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 10/9/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – bà Lê Huỳnh T trình bày: Bà và ông Lê Quang Võ Đ tự nguyện kết hôn năm 2018 [Giấy chứng nhận kết hôn số 71 do UBND phường P, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa) cấp ngày 06/6/2018]. Thời gian đầu sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ

năm 2022 đến nay không hạnh phúc do vợ chồng không còn tin tưởng, yêu thương nhau, bà không còn nhận được có sự hỗ trợ, chia sẻ, yêu thương từ ông Đ. Từ tháng 8/2023 đến nay vợ chồng đã ly thân, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Đạt.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Lê Nhã V, sinh ngày 31/7/2020. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập cho ông Đ để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông Lê Quang Võ Đ vắng mặt.

Nguyên đơn - bà Lê Huỳnh T trình bày: Quá trình chung sống ông Đạt không chung thủy, không chăm lo cho gia đình nên tình cảm nhạt dần, hiện bà không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu được ly hôn. Bà xin được nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn do ông Đ cư trú tại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – bà T có mặt. Bị đơn – ông Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 71 do UBND phường P, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa) thì quan hệ hôn nhân của bà T, ông Đ là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ do quá trình chung sống ông Đ không chung thủy, không chăm lo cho gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đã không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án chứng tỏ ông Đ không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn của bà T, ông Đ là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn ông Đ để hai bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về quan hệ con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 217 do UBND phường P, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa) thì trẻ Lê Nhã V, sinh ngày 31/7/2020 là con chung của bà Lê Huỳnh T và ông Lê Quang Võ Đ. Bà Trâm yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ V, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Trẻ V là trẻ gái, còn nhỏ hiện đang được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên để ổn định sinh hoạt, học hành của trẻ V Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, quyết định giao trẻ V cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi trẻ V do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ V đối với ông Đ do bà T không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này ông Đ có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Bà T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết, nếu sau này ông Đ có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[9] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, bà T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được cấn trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117,118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Bà Lê Huỳnh T.

a. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Huỳnh T được ly hôn ông Lê Quang Võ Đ.

b. Về quan hệ con chung: Giao trẻ Lê Nhã V, sinh ngày 31/7/2020 cho bà Lê Huỳnh Trâm tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Lê Nhã Viên đối với ông Lê Quang Võ Đ do bà Lê Huỳnh T không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Sau này ông Lê Quang Võ Đ có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Lê Huỳnh T chịu, được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lê Huỳnh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0022091 ngày 02/10/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Lê Huỳnh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Quang Võ Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4 - Tp.Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Hương